

PATH TO THE FUTURE



Picture and logos

SELLING POINTS

- Tấm nền Rapid IPS - Cung cấp thời gian phản hồi 0.5ms (GtG, Min.), tối ưu màu sắc và độ sáng hiển thị.
- Tần số quét 320Hz - Phản hồi nhanh hơn với khung hình mượt mà hơn.
- Thời gian phản hồi 0.5ms (GtG, Min.) - Loại bỏ hiện tượng xé hình và giật khung hình.
- AI Vision - Công nghệ AI Vision mới không chỉ làm rõ chi tiết trong vùng tối mà còn tăng cường độ sáng tổng thể và độ bão hòa màu sắc.
- Giảm ánh sáng xanh - Sử dụng giải pháp phần mềm để giảm phát xạ ánh sáng ở vùng xanh tím trong phổ ánh sáng xanh.



1. 5-Way Navi Key
2. 2x HDMI™ 2.1 (WQHD@320Hz)
3. DisplayPort 1.4a
4. Headphone-out
5. AC-in
6. Kensington Lock

SPECIFICATION

Model	Entity MKT Name	MAG 274QPF X32
	Part No	9S6-3CE49H-093
	Color	ID1/Black-Black
Display	Screen Size	27" (68.58 cm)
	Active Display Area (mm)	596.736(H) x 335.664(V)
	Curvature	Flat
	Panel Type	Rapid IPS
	Resolution	2560x1440 (WQHD)
	Pixel pitch (mm)	0.2331(H)x0.2331(V)
	Aspect Ratio	16:9
	Dynamic Refresh Rate technology	NVIDIA G-SYNC Compatible / AMD FreeSync™ Premium
	Dynamic Refresh Rate Activated Range	48~320Hz
	HDR (High dynamic range)	DisplayHDR 400
	SDR Brightness (nits)	300
	HDR Brightness (Peak nits)	400
	Contrast Ratio	1000:1
	DCR (Dynamic Contrast Ratio)	100000000:1
	Signal Frequency	70.5~460 KHz(H) / 48~320 Hz(V)
	Refresh Rate	320Hz
	Response Time (MPRT)	1ms(MPRT)
	Response Time (GTG)	0.5ms (Min.)
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	112%/91%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	97%/88%
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	129%/100%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	136%/100%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	110%/95%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	101%/90%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	102%/97%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	100%/97%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	129%/100%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	136%/100%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	74%/74%
	Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	72%/72%
	Surface Treatment	Anti-glare
	Display Colors	1.07B
Color bit	10 bits (8 bits + FRC)	
I/O Ports	Headphone-out	1
	Card reader	N/A
	Lock type	Kensington Lock
	HDMI	2
	HDMI version	2.1 (FRL 6G)
	HDMI HDCP version	2.3
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	1.4a (HBR3)
	DisplayPort HDCP version	2.3
Warranty	Warranty	36M
Power	Power Type	Internal Power Board
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	On-mode Power Consumption (KWh/1000h)	26
	Annual Energy Consumption (KWh)	26
	Standby-mode Power Consumption (W)	0.5
	Off-mode Power Consumption (W)	0.3
	Energy Efficiency Rating	F
Power Cord Type	C13	

In The Box	DisplayPort Cable	1
	HDMI Cable	0
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	0
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	3.5mm Mic Cable	0
	Power Cord	1
	AC Adaptor	0
	Quick Guide	1
	Warranty Card	0
Mouse Bungee Unit	0	
Design	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 20°
	Adjustment (Swivel)	-30° ~ 30°
	Adjustment (Height)	0 ~ 130 mm
	Adjustment (Pivot)	-90° ~ 90°
	VESA Mounting	100x100mm
Dimension & Weight (product)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	613.5 x 227.9 x 405
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	613.5 x 62 x 362.5
	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	308.6 x 227.89 x 411.3
	Weight (Net kg)	6.7
	Weight Without Stand (kg)	4.25
Dimension & Weight (box)	Inside Carton Dimension (WxDxH) (cm)	82 x 14.8 x 46
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (cm)	83.5 x 16.1 x 48.4
	Weight (Gross kg)	9.3
Barcode Info	EAN	4711377398497